

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2026
Hình thức đào tạo: Đào tạo thường xuyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTĐHN ngày /5/2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HNМ

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Trụ sở chính: Số 98 Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.

- Cơ sở 2: Đường 131 thôn Đặc Tài, xã Sóc Sơn, TP Hà Nội.

- Cơ sở 3: Số 6 phố Vĩnh Phúc, phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

- Cơ sở 4: Số 6 đường Lê Công Hành, xã Thường Tín, TP Hà Nội.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: Website: <http://hnm.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://hnm.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://hnm.edu.vn/3-cong-khai-ve-dam-bao-chat-luong-giao-duc>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

a) Đối tượng tuyển sinh (người dự tuyển) được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b) Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của cơ sở đào tạo.

c) Trường có thể quy định cụ thể về người dự tuyển, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh đáp ứng Quy chế tuyển sinh.

d) Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, cơ sở đào tạo thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT (Năm 2026).

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ).

1.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thực hiện theo các quy định hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công bố cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

1.4. Số lượng tuyển sinh:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	7140201	Giáo dục Mầm non	70	Phương thức 1 Phương thức 2	D01, C03, C04, C14	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	130	Phương thức 1 Phương thức 2	D01, C03, C04, C14	
3	7140209	Sư phạm Toán học	51	Phương thức 1 Phương thức 2	A00, A01, A02, C01	
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	51	Phương thức 1 Phương thức 2	C00, D01, C03, C04	
5	7140206	Giáo dục Thể chất	40	Phương thức 1 Phương thức 2	T00, T01, T04, T08	
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	45	Phương thức 1 Phương thức 2	D01, D14, D15, D66	
7	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	45	Phương thức 1 Phương thức 2	D01, D14, D15, D66	
8	7480201	Công nghệ thông tin	21	Phương thức 1 Phương thức 2	A00, A01, A02, C01	
Tổng			453			

Quy định về tổ hợp môn:

- Các môn trong tổ hợp xét tuyển:

A00: Toán, Vật lí, Hóa học

A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh

A02: Toán, Vật lí, Sinh học

B00: Toán, Hóa học, Sinh học

B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn

C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí

C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học

C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí

C14: Ngữ văn, Toán, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

C16: Ngữ văn, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

C19: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

C20: Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh

D66: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Tiếng Anh

T00: Toán, Sinh, Năng khiếu Thể dục thể thao

T01: Toán, Văn, Năng khiếu thể dục thể thao

T04: Toán, Lý, Năng khiếu thể dục thể thao

T08: Toán, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Năng khiếu TDTT

- Đối với phương thức xét kết quả thi THPT năm 2026 (phương thức 1): Với các tổ hợp môn có môn ngoại ngữ, thí sinh có thể thay thế Tiếng Anh bằng tiếng Trung Quốc hoặc ngược lại; Thí sinh được sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để quy đổi điểm thay thế cho môn ngoại ngữ có trong tổ hợp xét tuyển; Nhà trường chỉ quy đổi điểm đối với các chứng chỉ sau: TOEFL IBT (không nhận bản Home Edition), TOEFL ITP, IELTS (đối với Tiếng Anh); HSK (đối với Tiếng Trung Quốc). Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo thang điểm 10 được quy đổi theo bảng sau:

IELTS	TOEFL IBT	TOEFL ITP	HSK (tiếng Trung Quốc)	Điểm quy đổi
7.0 trở lên	94 trở lên	600 trở lên	HSK 6	10.0
6.5	76-93	570-599	HSK 5	9.5
6.0	66-75	548-569		9.0
5.5	56-65	510-547	HSK 4	8.5
5.0	46-55	491-509		8.0

- Đối với tổ hợp có môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật được thay thế với môn Giáo dục công dân theo chương trình giáo dục phổ thông 2006.

- Thí sinh xét tuyển theo phương thức điểm thi THPT năm 2026 (Phương thức 1): Nhà trường áp dụng độ chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (phương thức 2): Với các tổ hợp môn có môn ngoại ngữ, thí sinh có thể dùng các ngoại ngữ khác thay thế cho môn Tiếng Anh, không sử dụng điểm quy đổi chứng chỉ ngoại quốc tế thay thế cho môn ngoại ngữ trong các tổ hợp xét tuyển; Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30.

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường

1.5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Thí sinh được đăng ký nguyện vọng tối đa là 03 ngành, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất;

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Nhà trường ưu tiên thí sinh có tổng điểm 3 môn chưa cộng điểm ưu tiên, chưa cộng điểm khuyến khích cao hơn. Trường hợp thí sinh vẫn bằng điểm, nhà trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn; Trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Nhà trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt tiếp theo.

- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký xét tuyển. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin đăng ký xét tuyển với hồ sơ gốc.

- Đối với phương thức xét học bạ bậc THPT và phương thức xét kết quả thi THPT năm 2026, Trường ĐH Thủ đô Hà Nội công nhận kết quả điểm các môn học hoặc thi của chương trình giáo dục phổ thông 2006 và chương trình giáo dục phổ thông 2018 là tương đương nhau.

1.5.2. *Điểm cộng*: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội không quy định điểm cộng.

1.5.3. *Cách tính điểm xét tuyển*

Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Điểm thành phần trong tổ hợp xét tuyển là điểm thi tốt nghiệp THPT các môn học của thí sinh thuộc tổ hợp xét tuyển tương ứng:

Điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có)]

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên theo quy định

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ).

Đối với phương thức xét kết quả học tập bậc THPT, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của các môn học theo tổ hợp xét tuyển.

Điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có)]

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên theo quy định

Lưu ý: Đối với tất cả các phương thức xét tuyển, Nhà trường làm tròn một lần ở điểm xét tuyển cuối cùng đến hai chữ số thập phân.

1.5.4. *Đối với thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục thể chất*

a) Thí sinh sử dụng kết quả thi tuyển năng khiếu mà thí sinh đăng ký dự tuyển theo hình thức chính quy tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Cách tính điểm môn năng khiếu TDTT:

Điểm thi năng khiếu TDTT=(điểm Tại chỗ bật xa + điểm Chạy con thoi)/2

Điểm thi năng khiếu TDTT được làm tròn một lần đến hai chữ số thập phân khi tính điểm trung bình của 2 môn thi năng khiếu.

b) Điều kiện được miễn thi năng khiếu (NK)

- Vận động viên cấp 1; kiện tướng cấp quốc gia được miễn thi môn NK và được hưởng 10,0 điểm môn NK; thời gian đoạt giải hoặc công nhận kiện tướng không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

- Vận động viên cấp 2 quốc gia; thí sinh đoạt huy chương vàng, đạt giải nhất TDTT cấp tỉnh trở lên được tổ chức một lần trong năm được miễn thi môn NK và được hưởng 9.0 điểm môn NK; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

- Nhà trường không sử dụng kết quả thi tuyển năng khiếu do các cơ sở giáo dục đại học khác tổ chức để xét tuyển vào trường.

1.5.5. Các thông tin khác

- Thời gian để sinh viên hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo của hệ VLVH dài hơn thời gian đào tạo hệ chính quy tối thiểu là 20%.

- Nhà trường tổ chức đào tạo hệ VLVH vào thời gian ngoài giờ hành chính hoặc như chính quy (do thí sinh đăng ký).

1.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận đăng ký xét tuyển; các điều kiện xét tuyển.

a. Quy định về hồ sơ

- Phiếu đăng kí xét tuyển (*theo mẫu của Trường*).

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy CNTN tạm thời (*bản sao công chứng*).

- Học bạ THPT (*bản sao công chứng*).

- Phiếu ghi kết quả thi THPT (*đối với thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026*).

- Căn cước công dân (*bản sao*).

- 02 ảnh 4 x 6 (*ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành đăng kí dự thi ở mặt sau*).

b. Hình thức nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Phòng 102 nhà H2, Số 98 Dương Quang Hàm, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh đến Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Số 98 Dương Quang Hàm, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.

c. Thời gian nộp hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trong giờ hành chính.

1.7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhà trường tổ chức xét tuyển từ 2 đến 3 đợt trong năm, dự kiến như sau:

- Đợt 1: 8/2026;

- Đợt 2: 10/2026;

- Đợt 3: 11/2026 (nếu còn chỉ tiêu).

1.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy.

1.9. Lệ phí tuyển sinh: 220.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí hồ sơ: 20.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ.

1.10. Học phí dự kiến: Từ năm học 2027 - 2028 tăng trung bình 10% so với năm học trước

TT	Khối ngành	Mức học phí
1	KN I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.995.000 đ/ tháng
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.995.000 đ/ tháng
3	KN V: Toán, thông kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú ý.	2.331.000 đ/ tháng
4	KN VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường.	2.121.000 đ/ tháng

1.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển
+ Website Trường: <https://hnm.edu.vn>.

+ Website Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và đánh giá năng lực (sau đây gọi tắt là Trung tâm): <https://cpdca.hnm.edu.vn>

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/cpdca.hnm.edu.vn>.

+ Điện thoại: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).

+ Email: ttung@daihocthudo.edu.vn; cpdca@hnm.edu.vn.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển

Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành nghề tương ứng với ngành đăng ký dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của cơ sở đào tạo.
- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, Trường xem xét trong khả năng cho phép để thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển: Dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa được thể hiện trong bảng điểm/phụ lục văn bằng của bậc trung cấp, cao đẳng các ngành tương ứng với ngành đăng ký xét tuyển.

2.3. Ngưỡng đầu vào

- Đối với thí sinh đăng kí xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên, ngưỡng đầu vào của thí sinh được áp dụng một trong các tiêu chí sau đây:

+ Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

- Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07/05/2020 khi học liên thông để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72, Luật Giáo dục năm 2019, điểm trung bình chung học tập toàn khóa (thang điểm 10) được thể hiện trong bảng điểm/sổ học tập trình độ trung cấp, cao đẳng của thí sinh phải đạt từ trung bình trở lên.

Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển các ngành ngoài sư phạm. Nhà trường tự xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.

2.4. Số lượng tuyển sinh:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	7140201	Giáo dục Mầm non	30	- Xét tuyển dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa được thể hiện trong bảng điểm/phụ lục văn bằng của trình độ trung cấp, cao đẳng đối với người học liên thông.	
Tổng			30		

2.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh xét tuyển vào cơ sở đào tạo

- Thời gian để sinh viên hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo của hệ VLVH dài hơn thời gian đào tạo hệ chính quy tối thiểu là 20%.

- Nhà trường tổ chức đào tạo Đại học liên thông theo hình thức VLVH vào thời gian ngoài giờ hành chính (cả ngày Thứ bảy, Chủ nhật).

Cách tính điểm xét tuyển:

Xét tuyển dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa (thang điểm 10) được thể hiện trong bảng điểm của thí sinh.

Điểm xét tuyển = Điểm trung bình chung học tập toàn khóa (nhân hệ số 3) + điểm ưu tiên khu vực + điểm ưu tiên đối tượng (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh.

Căn cứ kết quả học tập toàn khóa (tính đến số lẻ 2 phần thập phân) bậc trung cấp/cao đẳng của thí sinh, điểm xét tuyển được sắp xếp từ cao xuống thấp để xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu. Ở mức điểm trúng tuyển (gồm cả điểm ưu tiên về đối tượng và khu vực) trường hợp đủ chỉ tiêu mà có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ theo thứ tự như sau:

- Người có điểm trung bình chung học tập toàn khóa (không tính điểm ưu tiên) cao hơn.

- Trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

(Trường hợp bảng điểm của thí sinh có thang điểm 4, điểm trung bình chung học tập toàn khóa của thí sinh được nhân với 2,5 để quy đổi sang thang điểm 10).

2.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận đăng ký xét tuyển; các điều kiện xét tuyển.

a) Quy định về hồ sơ

- Phiếu đăng kí xét tuyển (*theo mẫu của Trường*).

- Bằng tốt nghiệp Trung cấp/Cao đẳng/Đại học (*bản sao công chứng*).

- Bảng điểm tốt nghiệp Trung cấp/Cao đẳng/Đại học (*bản sao công chứng*).

- Bằng tốt nghiệp THPT (*bản sao công chứng*).

- Học bạ THPT nếu cần (*bản sao công chứng*).

- Căn cước công dân (*bản sao*).

- 02 ảnh 4 x 6 (*ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành đăng kí dự thi ở mặt sau*).

- Giấy xác nhận của cơ quan đơn vị công tác theo mẫu (*đối với thí sinh là giáo viên đang làm việc ở các nhà trường*): Thí sinh chỉ phải nộp khi đăng ký xét tuyển khối ngành Sư phạm, tốt nghiệp trình độ Trung cấp/Cao đẳng sau ngày 07/05/2020 đạt loại khá trở xuống và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

b) Hình thức nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Phòng 102 nhà H2, Số 98 Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh đến Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Số 98 Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.

c. Thời gian nộp hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trong giờ hành chính.

2.7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhà trường tổ chức xét tuyển từ 2 đến 3 đợt trong năm, dự kiến như sau:

- Đợt 1: 8/2026;
- Đợt 2: 10/2026;
- Đợt 3: 11/2026 (nếu còn chỉ tiêu).

2.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy.

2.9. Lệ phí xét tuyển: 220.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí hồ sơ: 20.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ.

2.10. Học phí dự kiến: Từ năm học 2027 - 2028 tăng trung bình 10% so với năm học trước

TT	Khối ngành	Mức học phí
1	KN I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.995.000 đ/ tháng
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.995.000 đ/ tháng
3	KN V: Toán, thông kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú ý.	2.331.000 đ/tháng
4	KN VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường.	2.121.000 đ/ tháng

- Đối với các lớp nâng chuẩn theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP: mức học phí theo hợp đồng với các địa phương và theo quy định mức học phí của Trường.

2.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng kí xét tuyển

- + Website trường: <https://hnmdu.edu.vn>.
- + Website Trung tâm: <https://cpdca.hnmdu.edu.vn>
- + Fanpage: <https://www.facebook.com/cpdca.hnmdu.edu.vn>.
- + Điện thoại: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).
- + Email: ttung@daihocthudo.edu.vn; cpdca@hnmdu.edu.vn.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học theo thông báo và phải trình nộp bản gốc bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng để kiểm tra. Hết thời hạn xác nhận nhập học, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển tiếp theo.

3. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp đại học (Văn bằng 2)

3.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh: Người có bằng tốt nghiệp Đại học (khác ngành với ngành đăng ký dự tuyển). Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Đối với ngành Sư phạm Toán, Sư phạm Giáo dục tiểu học: Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc các lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đối với các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm được cấp trước ngày 22/5/2021 phải do các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng cấp.

3.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển: Dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa được thể hiện trong bảng điểm/phụ lục văn bằng thứ nhất mà thí sinh đã tốt nghiệp.

3.3. Ngưỡng đầu vào

Điểm trung bình chung học tập toàn khoá đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10, đối với thí sinh đã được đào tạo theo hình thức niên chế) hoặc điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4, đối với thí sinh đã được đào tạo theo hình thức tín chỉ).

3.4. Số lượng tuyển sinh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	22	- Xét tuyển dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa được thể hiện trong bảng điểm/phụ lục văn bằng của trình độ trung cấp, cao đẳng đối với người học VB2.	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	28	- Xét tuyển dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa được thể hiện trong bảng điểm/phụ lục văn bằng của trình độ trung cấp, cao đẳng đối với người học VB2.	
3	7140209	Sư phạm Toán học	28	- Xét tuyển dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa được thể hiện trong bảng điểm/phụ lục văn bằng của trình độ trung cấp, cao đẳng đối với người học VB2.	
Tổng			78		

3.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh xét tuyển vào cơ sở đào tạo

- Thời gian để sinh viên hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo của hệ VLVH dài hơn thời gian đào tạo hệ chính quy tối thiểu là 20%.

- Nhà trường tổ chức đào tạo Đại học liên thông theo hình thức VLVH vào thời gian ngoài giờ hành chính (cả ngày Thứ bảy, Chủ nhật).

Cách tính điểm xét tuyển:

Xét tuyển dựa theo điểm trung bình chung học tập toàn khóa (thang điểm 10) được thể hiện trong bảng điểm của thí sinh;

Điểm xét tuyển = Điểm trung bình chung học tập toàn khóa (nhân hệ số 3) + điểm ưu tiên khu vực + điểm ưu tiên đối tượng (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh.

Căn cứ kết quả học tập toàn khóa (tính đến số lẻ 2 phần thập phân) bậc đại học của thí sinh, điểm xét tuyển được sắp xếp từ cao xuống thấp để xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu. Ở mức điểm trúng tuyển (gồm cả điểm ưu tiên về đối tượng và khu vực) trường hợp đủ chỉ tiêu mà có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ theo thứ tự như sau:

- Người có điểm trung bình chung học tập toàn khóa (không tính điểm ưu tiên) cao hơn.

- Người có điểm trung bình kết quả học tập các môn ngoại ngữ cao hơn.

- Người đã tốt nghiệp đại học ngành gắn với ngành dự tuyển hơn.

- Trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

(Trường hợp bằng điểm của thí sinh có thang điểm 4, điểm trung bình chung học tập toàn khóa của thí sinh được nhân với 2,5 để quy đổi sang thang điểm 10).

3.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận đăng ký xét tuyển; các điều kiện xét tuyển.

a) Quy định về hồ sơ

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu của Trường*).

- Bằng tốt nghiệp Đại học (*bản sao công chứng*).

- Bảng điểm tốt nghiệp Đại học (*bản sao công chứng*).

- Bằng tốt nghiệp THPT (*bản sao công chứng*).

- Học bạ THPT nếu cần (*bản sao công chứng*).

- Căn cước công dân (*bản sao*).

- 02 ảnh 4 x 6 (*ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành đăng ký dự thi ở mặt sau*).

b) Hình thức nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Phòng 102 nhà H2, Số 98 Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh đến Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Số 98 Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.

c) Thời gian nộp hồ sơ

+ Thí sinh nộp hồ sơ trong giờ hành chính.

3.7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhà trường tổ chức xét tuyển từ 2 đến 3 đợt trong năm, dự kiến như sau:

- Đợt 1: 8/2026;

- Đợt 2: 10/2026;

- Đợt 3: 11/2026 (nếu còn chỉ tiêu).

3.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy.

3.9. Lệ phí xét tuyển: 220.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí hồ sơ: 20.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ.

3.10. Học phí dự kiến: Từ năm học 2027 - 2028 tăng trung bình 10% so với năm học trước

TT	Khối ngành	Mức học phí
1	KN I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.995.000 đ/tháng
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.995.000 đ/tháng
3	KN V: Toán, thông kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y.	2.331.000 đ/tháng
4	KN VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường.	2.121.000 đ/tháng

3.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển

+ Website trường: <https://hnm.edu.vn>.

+ Website Trung tâm: <https://cpdca.hnm.edu.vn>

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/cpdca.hnm.edu.vn>.

+ Điện thoại: 0904 597 666 (hotline: 0972311214).

+ Email: ttung@daihocthudo.edu.vn; cpdca@hnm.edu.vn.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học theo thông báo và phải trình nộp bản gốc bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất để kiểm tra. Hết thời hạn xác nhận nhập học, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển tiếp theo.

4. Tuyển sinh Đào tạo từ xa

4.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng các ngành tương ứng với ngành đăng ký dự tuyển hoặc Người đã có bằng tốt nghiệp đại học đăng ký dự tuyển vào một ngành đào tạo khác với ngành đã tốt nghiệp.

- Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, Trường xem xét trong khả năng cho phép để thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

4.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển căn cứ kết quả học tập toàn khóa của trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học; nguyên tắc xét tuyển, cách tính điểm và tiêu chí phụ do Nhà trường quy định và công bố công khai trong thông báo tuyển sinh.

4.3. Ngưỡng đầu vào

Nhà trường tự xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	7380101	Luật	200	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).	
2	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	200	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).	
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	300	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học (Bảng điểm/Phụ lục văn bằng).	
Tổng			700		

4.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Sinh viên học hệ từ xa được học trên nền tảng phần mềm học trực tuyến của Nhà trường.

- Căn cứ vào văn bằng thí sinh nộp khi đăng ký xét tuyển, số tín chỉ sinh viên phải theo học để hoàn thiện chương trình đào tạo sẽ khác nhau

4.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận đăng ký xét tuyển; các điều kiện xét tuyển

a) Quy định về hồ sơ

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường).

- Bằng tốt nghiệp cao nhất Trung cấp/Cao đẳng/Đại học (bản sao công chứng). Đối với đối tượng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc cao đẳng nghề thì phải nộp cả bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT.

- Bảng điểm Trung cấp/Cao đẳng/Đại học (*bản sao công chứng*).
- Căn cước công dân (*bản sao*).
- 02 ảnh 4 x 6 (*ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành đăng kí dự thi ở mặt sau*).

b) Hình thức nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Phòng 102 nhà H2, Số 98 phố Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh đến Trung tâm Bồi dưỡng nghề nghiệp và Đánh giá năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Số 98 phố Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

c) Thời gian nộp hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trong giờ hành chính.

4.7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhà trường tổ chức xét tuyển từ 2 đến 3 đợt trong năm, dự kiến như sau:

- Đợt 1: 8/2026;
- Đợt 2: 10/2026;
- Đợt 3: 11/2026 (nếu còn chỉ tiêu).

4.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy.

4.9. Lệ phí xét tuyển: 220.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí hồ sơ: 20.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ.

4.10. Học phí dự kiến: Từ năm học 2027 - 2028 tăng trung bình 10% so với năm học trước

TT	Khối ngành	Mức học phí
1	KN I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.995.000 đ/ tháng
2	KN III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.995.000 đ/ tháng
3	KN V: Toán, thông kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú ý.	2.331.000 đ/ tháng
4	KN VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, du lịch, khách sạn, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường.	2.121.000 đ/ tháng

4.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng kí xét tuyển

- + Website trường: <https://hnm.edu.vn>.
- + Website Trung tâm: <https://cpdca.hnm.edu.vn>
- + Fanpage: <https://www.facebook.com/cpdca.hnm.edu.vn>.
- + Điện thoại: 0972311214
- + Email: tttung@daihocthudo.edu.vn; cpdca@hnm.edu.vn.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học theo thông báo và phải trình nộp bản gốc bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng/đại học để kiểm tra. Hết thời hạn xác nhận nhập học, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển tiếp theo.

5. Thông tin về tuyển sinh 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	500	40	31	18.21	36	17	19.00	Liên thông
2.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	160	142	19.15	174	179	20.87	TN THPT
3.	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	500	114	114	18.00	40	42	19.00	Liên thông
4.	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	200	6	6	24.39	100	45	19.60	TN THPT
5.	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	SP Toán học	200	21	-	-	30	33	20.98	TN THPT
6.	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	SP Toán học	500		19	15.75	50	57	15.00	Liên thông
7.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	200	39	12	20.60	30	31	21.23	TN THPT
8.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	33	5	20.80	60	18	19.01	TN THPT
9.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	500	39	39	19.14	20	18	15.00	Liên thông
10.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	500	-	-	-	18	08	20.64	Liên thông
11.	7140206	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	406	28	7	18.30	50	36	19.00	TN THPT
12.	7340403	Quản lý công	7340403	Quản lý công	200	15	4	20.10	-	-	-	TN THPT

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

Cán bộ tuyển sinh

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thanh Tùng

Đỗ Hồng Cường

Số điện thoại: 0904 597 666

Địa chỉ email: ttung@daihocthudo.edu.vn